

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 28

Tổ :

Mã nhận dạng 04898

Trang 1/4

Môn Học : Toán cao cấp B1 - 28-202112

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	D1 (%)	D2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14149248	NGÔ	ĐIÊN	DH14QMNT	1	10	8	8.6			
2	14149249	LÊ THỊ THANH	HÀNG	DH14QMNT	1	10	6.5	7.6			
3	14149250	DƯƠNG THỊ	HIỆP	DH14QMNT	1	10	6	7.2			
4	14149252	LÊ HOÀI	NAM	DH14QMNT	1	10	6.5	7.6			
5	14149255	PHAN THÀNH	NGUYỄN	DH14QMNT	1	9	8.5	8.7			
6	14149256	ĐÀNG THỊ CÔNG	NHÂN	DH14QMNT	1	4	5	4.7			
7	14149260	NGUYỄN THỊ	TÂM	DH14QMNT	1	8	5	5.9			
8	14149261	HUYỀN LÊ HỒNG	THÚY	DH14QMNT	1	7	6	6.3			
9	14149262	HỒ THỊ CHUNG	TÌNH	DH14QMNT	1	10	7	7.9			
10	14149263	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH14QMNT	1	7	4	4.9			
11	14149265	THÁI THỊ THUY	TRÚC	DH14QMNT	1	6	5.5	5.7			
12	14149343	NGUYỄN VĂN VIỆT	BẢO	DH14QMNT	1	9	5	6.2			
13	14149344	PHẠM ĐĂNG	BẢO	DH14QMNT	1	8	5	5.9			
14	14149345	LÊ THỊ ĐÀO	CHÂU	DH14QMNT	1	10	5.5	6.9			
15	14149346	PHẠM MINH	CHÂU	DH14QMNT	1	8	8	8.0			
16	14149348	LÊ KHƯƠNG	CHÍNH	DH14QMNT	1	9	4.5	5.9			
17	14149350	TÔN LƯƠNG BÍCH	DIỆP	DH14QMNT	1	8	7	7.3			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 28

Tổ :

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B1 - 28-202112

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	D 1 (%)	D 2 (%)	Điểm thi T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	14149353	NGUYỄN TRUÔNG	GIANG	DH14QMNT	Đang	1	9	8 8.3		
19	14149354	TRUÔNG THỊ KIẾN	GIANG	DH14QMNT	Thị	1	10	5 6.5		
20	14149355	LÊ THANH	HAI	DH14QMNT	V					
21	14149356	HUYỀN THU	HÀNG	DH14QMNT	Thy	1	10	6.5 7.6		
22	14149359	VÕ HUY	HOÀNG	DH14QMNT	Hoàng	1	9	4 5.5		
23	14149360	LÊ ANH	HỒ	DH14QMNT	Thị	1	9	5 6.2		
24	14149362	TRẦN THỊ XUÂN	HƯƠNG	DH14QMNT	Thị	1	10	4 5.8		
25	14149363	HUYỀN LÊ	KHANH	DH14QMNT	Khanh	1	4	4 4.0		
26	14149364	PHAN THÁI	KHANH	DH14QMNT	Khanh	1	8	7 7.3		
27	14149365	THÔNG KIM	KHÁNH	DH14QMNT	Khánh	1	9	5 6.2		
28	14149366	TRẦN ANH	KHOA	DH14QMNT	Trần	1	9	6.5 7.3		
29	14149367	LÀ THỊ KIM	KHUYẾN	DH14QMNT	V					
30	14149369	NGUYỄN THỊ KIM	LÀNH	DH14QMNT	Kim	1	8	8.5 8.4		
31	14149373	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14QMNT	Minh	1	10	7 7.9		
32	14149374	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14QMNT	Minh	1	7	5 5.6		
33	14149377	VÕ NGỌC PHƯƠNG	NAM	DH14QMNT	Phu	1	7	5.5 6.0		
34	14149378	TRẦN THỊ MINH	NGA	DH14QMNT	Nga	1	8	6.5 7.0		

Mã nhận dạng 04898

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 28

Tổ :

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B1 - 28-202112

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	D 1 (30%)	D 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14149379	LÊ THỊ THU	NGÂN	DH14Q0MNT	<i>Thuy</i>	1	10	3	5.1		
36	14149380	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	DH14Q0MNT	<i>Tuyết</i>	1	10	7	7.9		
37	14149384	ĐÀO DUY	NHÂN	DH14Q0MNT	<i>Đào</i>	1	9	6	6.9		
38	14149385	ĐỖ TẤN	NHẬT	DH14Q0MNT	<i>Tấn</i>	1					
39	14149386	NGUYỄN QUÁCH Ý	NHI	DH14Q0MNT	<i>Quách Ý</i>	1	7	7	7.0		
40	14149387	ĐẶNG THỊ MINH	NHƯ	DH14Q0MNT	<i>Minh</i>	1	9	5.5	6.6		
41	14149388	TRẦN THỊ KHÁNH	NHƯ	DH14Q0MNT	<i>Khánh</i>	1	10	4.5	6.2		
42	14149389	NGÔ TRIỆU	PHÁT	DH14Q0MNT	<i>Triệu</i>	1	9	7	7.6		
43	14149390	PHAN HIẾU	PHONG	DH14Q0MNT	<i>Hiếu</i>	1	8	7.5	7.7		
44	14149392	NGUYỄN VĂN	PHÚC	DH14Q0MNT	<i>Văn</i>	1	9	4.5	5.9		
45	14149395	ĐẶNG ĐỨC	QUYÊN	DH14Q0MNT	<i>Đức</i>	1	7	8	7.7		
46	14149396	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUYÊN	DH14Q0MNT	<i>Như</i>	1	10	8	8.6		
47	14149397	TRẦN PHAN TRÚC	QUYÊN	DH14Q0MNT	<i>Trúc</i>	1	8	7	7.3		
48	14149398	NGUYỄN THỊ	SANG	DH14Q0MNT	<i>Thị</i>	1	10	8	8.6		
49	14149404	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH14Q0MNT	<i>Phương</i>	1	7	5.5	6.0		
50	14149405	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH14Q0MNT	<i>Phạm</i>	1	10	7	7.9		
51	14149407	NGUYỄN THỊ THANH	THÁI	DH14Q0MNT	<i>Thanh</i>	1	7	6	6.3		

Mã nhận dạng 04898

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 28

Tổ :

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B1 - 28-202112

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	D 1 (30%)	D 2 (%)	Điểm thi T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	14149409	PHƯƠNG AI	THI	<i>Phuoc</i>	1	7	8	7.7		
53	14149413	TRƯƠNG THỊ MINH	THU	<i>Phuoc</i>	1	9	6	6.9		
54	14149414	LÊ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	<i>Phuoc</i>	1	8	5.5	6.3		
55	14149415	NGUYỄN THỊ CẨM	TIỀN	<i>Cam h</i>	1	9	5	6.2		
56	14149416	NGUYỄN ĐĂNG CAO	TIỀN	<i>Cam</i>	1	7	6	6.3		
57	14149417	HUYỀN THỊ NHÂN	TÍNH	<i>Phuoc</i>	1	10	4.5	6.2		
58	14149418	ĐỖ THỊ HUYỀN	TRANG	<i>Phuoc</i>	1	8	7.5	7.7		
59	14149419	ĐÀU KHẮC	TRIỀU	<i>Phuoc</i>	1	9	7	7.6		
60	14149420	TRẦN TỎ	TRÌNH	<i>Phuoc</i>	1	7	6.5	6.7		
61	14149421	VÀNG THỊ MỸ	TRÌNH	<i>Phuoc</i>	1	4	5	4.7		
62	14149424	ĐÀO NHẬT	TRÔNG	<i>Phuoc</i>	1	7	8.5	8.1		
63	14149425	NGUYỄN MINH	TRÔNG	<i>Phuoc</i>	1	8	5	5.9		
64	14149426	NGUYỄN TIỀN	TRUNG	<i>Phuoc</i>	1	9	4	5.5		
65	14149427	NGUYỄN THỊ BÔI	TUYẾN	<i>Phuoc</i>	1	6	5	5.3		
66	14149428	TRẦN MINH	TUYẾN	<i>Phuoc</i>	1	8	6.5	7.0		
67	14149429	NGUYỄN HỮU NGỌC	TU	<i>Phuoc</i>	1	8	5	5.9		
68	14149430	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	<i>Phuoc</i>	1	9	6	6.9		

Mã nhận dạng 04898

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 28

Tổ :

Trang 5/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B1 - 28-202112

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ (30%)	D1 (%)	D2 (%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
69	14149431	PHẠM THANH	UYÊN	DH14QMNT	1	8	4	5.2			
70	14149432	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	DH14QMNT	1	9	7	7.6			
71	14149433	TỔNG THỊ HOÀNG BÍ	VÂN	DH14QMNT	1	10	3	5.1			
72	14149436	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YÊN	DH14QMNT	1	8	6	6.6			
73	14149439	NGUYỄN TRẦN ANH	THƠ	DH14QMNT	1	8	8.5	8.4			
74	14149440	NGUYỄN THỊ	THÚY	DH14QMNT	1	7	5	5.6			

Số lượng vắng: 03 Hiện diện: 71

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Hoàng Lê

Nguyễn Thị Bích Nga

Đan Kiều Hằng

Nguyễn Thị Ngọc

Thị Ngọc

Le Anh Tuấn